TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2020/HS-PT
Ngày 24 tháng 8 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Quang Khang**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Trung Trực**

Ông **Bùi Anh Tuấn**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lâm Trấn Thanh**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông **Tranh Thanh Bình** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 66/2020/TLPT-HS ngày 07 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo Phan Thị Ngọc Hà và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2020/HS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

- *Các bị cáo có kháng cáo:*

1. ***Bị cáo:*** **PHAN THỊ NGỌC H**, sinh năm 1981, tại huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Nơi cư trú: Ấp X, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; Con ông Phan Văn T, sinh năm 1957 và bà Đặng Thị T, sinh năm 1963; bị cáo có chồng tên Giang Văn H, sinh năm 1980 và có 04 người con (lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2017); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/4/2019 đến ngày 07/4/2019 cho tại ngoại *(có mặt)*.

2. ***Bị cáo:*** **LIỄU MINH T**, sinh năm 1979, tại Sóc Trăng.

Nơi cư trú: Ấp X, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; Con ông Liễu C (chết) và bà Nguyễn Ngọc X, sinh năm 1948; bị cáo có chồng tên Nguyễn Văn P, sinh năm 1975 và có 02 người con (lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2007); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại *(có mặt)*.

3. ***Bị cáo:*** **NGÔ THỊ L**, sinh năm 1980, tại huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Nơi cư trú: Ấp H, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; Con ông Ngô Văn D, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1956; bị cáo có chồng tên Nguyễn Chí T, sinh năm 1979 và có 04 người con (lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2016); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại *(có mặt)*.

4. ***Bị cáo***: **LƯƠNG VĂN T1**, sinh năm 1964, tại huyện D, tỉnh Cà Mau.

Nơi cư trú: Ấp LH, xã T, huyện D, tỉnh Cà Mau; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm vuông; Trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; Con ông Lương Văn N (chết) và bà Nguyễn Thị A (chết); bị cáo có vợ tên Trần Cẩm T, sinh năm 1966 và có 03 người con (lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 1997); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/4/2019 đến ngày 12/4/2019 cho tại ngoại *(có mặt)*.

5. ***Bị cáo:*** **LÊ VĂN T2**, sinh năm 1990, tại huyện V, tỉnh Kiên Giang.

Nơi ĐKNKTT: Ấp K, xã Vĩnh T, huyện V, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú hiện nay: Ấp L, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; Con ông Lê Văn T, sinh năm 1953 và bà Đặng Thị Kim N, sinh năm 1953; bị cáo có vợ tên Trần Thanh H, sinh năm 1989 và có 02 người con (lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2017); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/4/2019 đến ngày 12/4/2019 cho tại ngoại *(có mặt)*.

6. ***Bị cáo:*** **NGÔ THỊ B**, sinh năm 1985, tại huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Nơi cư trú: Ấp H, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; Con ông Ngô Văn D, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1956; bị cáo có chồng tên Trương Quốc T, sinh năm 1988 và có 02 người con (lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/4/2019 đến ngày 07/4/2019 cho tại ngoại *(có mặt)*.

7. ***Bị cáo:*** **TRỊNH HỒNG G**, sinh năm 1992, tại huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Nơi cư trú: Ấp X, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; Con ông Trịnh Hoàng T (chết) và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1966; bị cáo có chồng tên Phạm Thành Đ, sinh năm 1988 (đã ly hôn) và có 01 người con, sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại *(có mặt)*.

8. ***Bị cáo***: **NGUYỄN THỊ H2**, sinh năm 1989, tại huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Nơi cư trú: Ấp X, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ

văn hóa (học vấn): 08/12; Con ông Nguyễn P, sinh năm 1962 và bà Lê Thị T, sinh năm 1961; bị cáo có chồng tên Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1986 và có 02 người con (lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2010); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại *(có mặt)*.

9. ***Bị cáo:*** **HUỲNH KIM T3**, sinh năm 1986, tại huyện Đ, Bạc Liêu.

Nơi cư trú: Ấp X, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; Con ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1955 (đã chết) và bà La Thị T, sinh năm 1957; bị cáo có chồng tên Hồ Thanh L, sinh năm 1984 và có 02 người con (lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2008); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/4/2019 đến ngày 10/4/2019 cho tại ngoại *(có mặt)*.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phan Thị Ngọc H và bị cáo Liễu Minh T*: Ông **Trần Văn Vững** là Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn Thị Hảo thuộc đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu *(có măt)*.

Các bị cáo không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo Tòa án không triệu tập:

2. Bị cáo: **Lê T4**, (EB), sinh năm 1991, tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Ấp L, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu *(vắng mặt)*.

3. Bị cáo: **Lê L2**, sinh năm 1986, tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Ấp L, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu *(vắng mặt)*.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo Tòa án không triệu tập:* **Nguyễn Thị Thanh T5**, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp L, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu *(vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 13 giờ, ngày 04/4/2019 Công an huyện Đông Hải cùng Công an thị trấn Gành Hào bắt quả tang các đối tượng Lê T4, Lương Văn T1, Huỳnh Kim T3, Ngô Thị B, Lê Văn T2, Liễu Minh T, Ngô Thị L đang đánh bạc để thắng thua bằng tiền với nhau tại nhà của Phan Thị Ngọc H. Cùng tham gia đánh bạc còn có Nguyễn Thị H2, Trịnh Hồng G, Lê L2 nhưng đã chạy thoát. Sau đó, Nguyễn Thị H2, Trịnh Hồng G đến Cơ quan Cảnh sát điều tra đầu thú; Lê L2 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra mời về làm việc.

Quá trình bắt quả tang thu giữ các đồ vật, tài sản gồm:

- Thu giữ tại chiếu bạc: Số tiền 14.300.000 đồng; 69 bộ bài tây (trong đó có 60 bộ bài tây chưa qua sử dụng, 09 bộ bài tây đã qua sử dụng); 01 cái sọt nhựa màu đỏ bên trong có số tiền 330.000 đồng; 01 chiếc chiếu lát đã qua sử dụng.

- Thu giữ phía dưới nệm cách chiếu bạc khoảng 02 mét: Số tiền 6.379.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Oppo F5 màu đen của Nguyễn Thị Thanh T5.

- Thu giữ trên người: Phan Thị Ngọc H 01 túi xách màu đen bên trong có số tiền 113.060.000 đồng; Trịnh Hồng G số tiền 821.000 đồng; Lương Văn T1 số tiền 50.000 đồng và 01 điện thoại di động Nokia màu đen, 01 điện thoại di động Iphone 6 plus màu đồng; Lê Văn T2 01 điện thoại di động Nokia màu đen; Huỳnh Kim T3 01 điện thoại di động Itel màu đen.

Quá trình điều tra chứng minh được: Từ đầu năm 2019 cho đến ngày bị bắt quả tang, bị cáo Phan Thị Ngọc H dùng nhà ở của mình và cung cấp bài, chiếu lát cho nhiều người đánh bài thắng thua bằng tiền để thu tiền xâu. Ngày 04/4/2019 các bị cáo Lê T4, Lương Văn T1, Huỳnh Kim T3, Ngô Thị B, Lê Văn T2, Liễu Minh T, Trịnh Hồng G, Ngô Thị L, Lê L2 và Nguyễn Thị H2 cùng nhau đánh bạc tại nhà Phan Thị Ngọc H để thắng thua với nhau bằng tiền, đến 13 giờ cùng ngày thì bị bắt quả tang.

Hình thức đánh bạc là binh bài ấn độ 06 lá, gồm có 01 người làm cái và 04 người ngồi tụ; người làm cái thực tiếp thắng thua với các người ngồi tụ chơi.

Khi bị bắt quả tang Ngô Thị L đang làm cái, Lê T4 một tụ; Liễu Minh T một tụ; Lương Văn T1 một tụ; Lê L2 một tụ; những người còn lại ké thạnh.

Số tiền dùng vào việc đánh bạc như sau: Lê L2 700.000 đồng; Lê T4 2.100.000 đồng; Huỳnh Kim T3 800.000 đồng; Lê Văn T2 1.000.000 đồng; Lương Văn T1 2.000.000 đồng; Nguyễn Thị H2 700.000 đồng; Liễu Minh T 700.000 đồng; Ngô Thị B 1.000.000 đồng; Trịnh Hồng G 821.000 đồng. Đối với Phan Thị Ngọc H thu tiền xâu với số tiền 330.000 đồng.

Như vậy, số tiền dùng vào việc đánh bạc phải chịu trách nhiệm hình sự là 15.451.000 đồng. Trong đó, thu giữ tại chiếu bạc 14.300.000 đồng; thu giữ trên người của Trịnh Hồng G 821.000 đồng và tiền Phan Thị Ngọc H thu xâu là 330.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2020/HS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Phan Thị Ngọc H phạm tội *"Gá bạc"*. Các bị cáo Lê T4 (EB), Lương Văn T1, Huỳnh Kim T3, Ngô Thị B, Lê Văn T2, Liễu Minh T, Trịnh Hồng G, Ngô Thị L, Nguyễn Thị H2, Lê L2, phạm tội *"Đánh bạc"*.

1.1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Thị Ngọc H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời gian tù

được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án, có đối trừ thời gian tạm giữ từ ngày 04/4/2019 đến ngày 07/4/2019.

Căn cứ khoản 2 Điều 35; khoản 3 Điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 phạt bổ sung bị cáo số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê L2 12 (Mười hai) tháng tù. Thời gian tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự. Tổng hợp bản án số 13/2020/HS-PT ngày 19/02/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu tuyên phạt bị cáo Lê L2 01 (một) năm tù. Tổng hợp chung hình phạt chung của hai bản án. Buộc bị cáo Lê L2 phải chấp hành 02 bản án là 02 (hai) năm tù.

1.3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê T4 08 (tám) tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự. Tổng hợp với bản án số 13/2020/HS-PT ngày 19/02/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu tuyên phạt bị cáo Lê Tài 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp chung hình phạt chung của hai bản án. Buộc bị cáo Lê T4 phải chấp hành 02 bản án là 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án có đối trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/4/2019 đến ngày 15/5/2019.

1.4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lương Văn T1 08 (tám) tháng tù. Thời gian tù tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án, có đối trừ thời gian tạm giữ từ ngày 04/4/2019 đến ngày 12/4/2019.

1.5. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Liễu Minh T 08 (tám) tháng tù. Thời gian tù tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

1.6. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Ngô Thị L 08 (tám) tháng tù. Thời gian tù tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

1.7. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T2 07 (bảy) tháng tù. Thời gian tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án, có đối trừ thời gian tạm giữ từ ngày 04/4/2019 đến ngày 12/4/2019.

1.8. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Kim T3 07 (bảy) tháng tù. Thời gian tù tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án, có đối trừ thời gian tạm giữ từ ngày 04/4/2019 đến ngày 10/4/2019.

1.9. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H2 07 (bảy) tháng tù. Thời gian tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

1.10. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Ngô Thị B 07 (bảy) tháng tù. Thời gian tù tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án, có đối trừ thời gian tạm giữ từ ngày 04/4/2019 đến ngày 07/4/2019.

1.11. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trịnh Hồng G 07 (bảy) tháng tù. Thời gian tù tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/5/2020, các bị cáo Liễu Minh T, Nguyễn Thị H2, Huỳnh Kim T3 kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 01/6/2020 các bị cáo Ngô Thị L, Ngô Thị B, Phan Thị Ngọc H, Trịnh Hồng G, Lương Văn T1 và bị cáo Lê Văn T2 cùng kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm: Đơn kháng cáo của các bị cáo còn trong thời hạn luật định nên cấp phúc thẩm chấp nhận và đưa ra xét xử là đúng quy định.

Về nội dung: Vì mục đích vụ lợi cá nhân, ngày 04/4/2019 bị cáo Phan Thị Ngọc H đã dùng nhà ở của mình cho các bị cáo Lương Văn T1, Huỳnh Kim T3, Ngô Thị B, Lê Văn T2, Liễu Minh T, Trịnh Hồng G, Ngô Thị L, Nguyễn Thị H2, Lê T4 và bị cáo Lê L2 đánh bạc nhằm mục đích thu tiền xâu. Số tiền bị cáo Phan Thị Ngọc H thu lợi bất chính là 330.000 đồng; Số tiền các bị cáo Lương Văn T1, Huỳnh Kim T3, Ngô Thị B, Lê Văn T2, Liễu Minh T, Trịnh Hồng G, Ngô Thị L, Nguyễn Thị H2, Lê T4 và bị cáo Lê L2 dùng vào việc đánh bạc là 15.451.000 đồng. Do đó, bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Phan Thị Ngọc H về tội *"Gá bạc"*, các bị

cáo Lương Văn T1, Huỳnh Kim T3, Ngô Thị B, Lê Văn T2, Liễu Minh T, Trịnh Hồng G, Ngô Thị L, Nguyễn Thị H2, Lê T4 và bị cáo Lê L2 về tội *"Đánh bạc"* là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Khi lượng hình cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và áp dụng mức hình phạt phù hợp với vai trò, tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của từng bị cáo đã gây ra. Giai đoạn xét xử phúc thẩm các bị cáo Phan Thị Ngọc H, Lương Văn T1, Huỳnh Kim T3, Ngô Thị B, Lê Văn T2, Liễu Minh T, Trịnh Hồng G, Ngô Thị L, Nguyễn Thị H2 không có tình tiết giảm nhẹ mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo.

Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Phan Thị Ngọc H, Lương Văn T1, Huỳnh Kim T3, Ngô Thị B, Lê Văn T2, Liễu Minh T, Trịnh Hồng G, Ngô Thị L và bị cáo Nguyễn Thị H2, giữ nguyên án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Phan Thị Ngọc H và bị cáo Liễu Minh T có quan điểm đề nghị:

Đối với bị cáo Phan Thị Ngọc H: Quá trình điều tra có vi phạm thủ tục tố tụng như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang được lập trước khi bắt và được lập tại trụ sở Công an thị trấn Gành Hào, không phải tại nhà bị cáo Phan Thị Ngọc H như biên bản đã thể hiện. Do việc lập biên bản bắt người phạm tội quả tang không đúng quy định nên việc xác định số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc bằng 15.451.000 đồng, số tiền bị cáo Phan Thị Ngọc H thu tiền xâu bằng 330.000 đồng là chưa được rõ ràng. Cấp sơ thẩm truy tố và xét xử bị cáo Phan Thị Ngọc H về tội "Gá bạc" do có hành vi lấy tiền xâu trong khi các bị cáo khác lại xác định không có ai bỏ tiền xâu vào sọt. Bị cáo Phan Thị Ngọc H có biểu hiện bệnh tâm thần, thể hiện qua việc có lúc bị cáo nhận tội có lúc không nhận tội. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự, hủy án sơ thẩm đối với bị cáo Phan Thị Ngọc H để làm rõ các vấn đề vi phạm đã đặt ra cũng như làm rõ vấn đề về tâm thần của bị cáo Phan Thị Ngọc H.

Đối với bị cáo Liễu Minh T: Tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc bằng 15.451.000 đồng là không lớn, bản thân bị cáo chỉ dùng vào việc đánh bạc có 700.000 đồng. Xét về nhân thân, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự lại có nhiều tình tiết giảm nhẹ; hiện tại bị cáo đang bị bệnh tim lại phải nuôi con câm, điếc bẩm sinh, mẹ già mới mất. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Liễu Minh T, cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện chăm sóc bản thân và con bị bệnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, luật sư bào chữa cho bị cáo Phan Thị Ngọc H xác định quá trình điều tra có vi phạm về tố tụng và bị cáo Phan Thị Ngọc H có biểu hiện bệnh tâm thần. Tuy nhiên, các căn cứ, lập luận do luật sư nêu ra là không có căn cứ, không phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên không có căn cứ chấp nhận. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Phan Thị Ngọc H, Lương Văn T1, Huỳnh Kim T3, Ngô Thị B, Lê Văn T2, Liễu Minh T, Trịnh Hồng G, Ngô Thị L, Nguyễn Thị H2 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp nhau, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên có căn cứ chấp nhận. Từ đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Vào ngày 04/4/2019, bị cáo Phan Thị Ngọc H dùng nhà ở của mình làm địa điểm cho các bị cáo Lê T4 (EB), Lê L2, Lương Văn T1, Huỳnh Kim T3, Ngô Thị B, Lê Văn T2, Liễu Minh T, Trịnh Hồng G, Ngô Thị L, Nguyễn Thị H2 đánh bạc bằng hình thức binh bài ấn độ để thắng thua với nhau bằng tiền nhằm mục đích thu tiền xâu. Tính đến thời điểm bị bắt quả tang bị cáo Phan Thị Ngọc H thu tiền xâu được 330.000 đồng. Số tiền các bị cáo Lê T4 (EB), Lê L2, Lương Văn T1, Huỳnh Kim T3, Ngô Thị B, Lê Văn T2, Liễu Minh T, Trịnh Hồng G, Ngô Thị L, Nguyễn Thị H2 dùng vào việc đánh bạc là 15.451.000 đồng.

[2] Xét thấy các bị cáo Lương Văn T1, Huỳnh Kim T3, Ngô Thị B, Lê Văn T2, Liễu Minh T, Trịnh Hồng G, Ngô Thị L, Nguyễn Thị H2 đã cùng với Lê T4, Lê L2 thực hiện hành vi đánh bạc để thắng thua với nhau bằng tiền, số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 15.451.000 đồng. Vì mục đích vụ lợi, bị cáo Phan Thị Ngọc H dùng nơi ở của mình để cho 10 bị cáo khác đánh bạc trong cùng một lúc và số tiền dùng vào việc đánh bạc là 15.451.000 đồng. Với hành vi và số tiền dùng vào việc đánh bạc như đã nêu trên bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Phan Thị Ngọc H về tội "Gá bạc" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; các bị cáo Lương Văn T1, Huỳnh Kim T3, Ngô Thị B, Lê Văn T2, Liễu Minh T, Trịnh Hồng G, Ngô Thị L, Nguyễn Thị H2, về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan cho các bị cáo.

[3] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Phan Thị Ngọc H, Lương Văn T1, Huỳnh Kim T3, Ngô Thị B, Lê Văn T2, Liễu Minh T, Trịnh Hồng G, Ngô Thị L, Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử xét thấy: Vì mục đích vụ lợi cá nhân, bị cáo Phan Thị Ngọc H đã bất chấp pháp luật dùng nơi ở của mình để làm địa điểm cho các bị cáo khác đánh bạc nhằm mục đích thu lợi bất chính; các bị cáo Lương Văn T1, Huỳnh Kim T3, Ngô Thị B, Lê Văn T2, Liễu Minh T, Trịnh Hồng G, Ngô Thị L, Nguyễn Thị H2 thực hiện hành vi đánh bạc ăn thua, sát phạt lẫn nhau. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Quá trình điều tra, các bị cáo xác định việc đánh bạc bắt đầu từ tết nguyên đán, tức diễn ra trước thời điểm bị bắt trong khoảng thời gian hơn 02 tháng. Mặt khác, quá trình bắt quả tang thu giữ 69 bộ bài tây và có 10 người cùng thực hiện hành vi đánh bạc. Điều đó, thể hiện các bị cáo đã thực hiện hành vi đánh bạc trong khoảng thời gian dài, tụ

tập nhiều người gây mất trật tự trị an ở địa phương. Khi lượng hình cấp sơ thẩm đã xem xét đến vai trò, số tiền dùng vào việc đánh bạc, tình tiết giảm nhẹ của từng bị cáo. Từ đó, đã xử phạt mức án tù tương xứng với vai trò, tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo. Đồng thời cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định là điều cần thiết, có như thế mới có thể răn đe, giáo dục các bị cáo cũng như có tác dụng phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội. Giai đoạn xét xử phúc thẩm các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới; các lý do người bào chữa của bị cáo Liễu Minh T nêu ra không phải là tình tiết giảm nhẹ theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo.

[4] Như đã nhận định trên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Phan Thị Ngọc H, Lương Văn T1, Huỳnh Kim T3, Ngô Thị B, Lê Văn T2, Liễu Minh T, Trịnh Hồng G, Ngô Thị L và bị cáo Nguyễn Thị H2 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phan Thị Ngọc H, Lương Văn T1, Huỳnh Kim T3, Ngô Thị B, Lê Văn T2, Liễu Minh T, Trịnh Hồng G, Ngô Thị L và bị cáo Nguyễn Thị H2, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2020/HS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

2. Tuyên bố bị cáo Phan Thị Ngọc H, phạm tội *"Gá bạc"*. Các bị cáo Lương Văn T1, Huỳnh Kim T3, Ngô Thị B, Lê Văn T2, Liễu Minh T, Trịnh Hồng G, Ngô Thị L, Nguyễn Thị H2, phạm tội *"Đánh bạc"*.

3. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phan Thị Ngọc H** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án, nhưng được đối trừ thời gian tạm giữ từ ngày 04/4/2019 đến ngày 07/4/2019.

Căn cứ khoản 2 Điều 35; khoản 3 Điều 322 Bộ luật hình sự, phạt bổ sung bị cáo số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lương Văn T1** 08 (tám) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án, nhưng được đối trừ thời gian tạm giữ từ ngày 04/4/2019 đến ngày 12/4/2019.

5. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Liễu Minh T** 08 (tám) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

6. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Ngô Thị L** 08 (tám) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

7. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Văn T2** 07 (bảy) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án, nhưng được đối trừ thời gian tạm giữ từ ngày 04/4/2019 đến ngày 12/4/2019.

8. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Kim T3** 07 (bảy) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án, nhưng được đối trừ thời gian tạm giữ từ ngày 04/4/2019 đến ngày 10/4/2019.

9. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H2** 07 (bảy) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

10. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Ngô Thị B** 07 (bảy) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án, nhưng được đối trừ thời gian tạm giữ từ ngày 04/4/2019 đến ngày 07/4/2019.

11. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trịnh Hồng G** 07 (bảy) tháng tù. Thời gian tù tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

12. Về án phí: Áp dụng các Điều 135; 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Phan Thị Ngọc H, Lương Văn T1, Huỳnh Kim T3, Ngô Thị B, Lê Văn T2, Liễu Minh T, Trịnh Hồng G, Ngô Thị L và bị cáo Nguyễn Thị H2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

13. Các Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Anh Tuấn **Nguyễn Trung Trực** **Trần Quang Khang**